

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

* Phân môn Lịch sử:

- Nêu được những nét chính về nước Nga (1918-1922) trước khi Liên Xô được thành lập
- Trình bày được những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1922-1941).
- Trình bày được những nét chính về phong trào cách mạng ở châu Âu (1918-1923) và sự thành lập Quốc tế Cộng sản.
- Mô tả được sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939)
- Trình bày được nguyên nhân và những diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945).
- Hiểu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945). Phân tích được hậu quả, tác động của cuộc chiến tranh này đối với lịch sử nhân loại. Từ đó, rút ra được bài học với việc bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay.
- Mô tả được những nét chính về phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam những năm 1918 – 1930.

* Phân môn Địa lí:

- Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.
- Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.
- Nêu được đặc điểm phân bố dân cư.
- Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn.
- Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.
- Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp.
- Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.
- Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản.
- Trình bày được sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

b. Năng lực đặc thù:

* **Phân môn Lịch sử:** Tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy, tái hiện kiến thức, sự kiện lịch sử, phân tích, đánh giá, tổng hợp các sự kiện, nhận xét, vận dụng các kiến thức đã học.

* **Phân môn địa lí:** Rèn luyện kỹ năng phát hiện, vận dụng những kiến thức đã học vào bài làm, kỹ năng xác định và trả lời đúng câu hỏi.

3. Phẩm chất:

- Trung thực: học sinh có thái độ nghiêm túc khi làm bài.
- Chăm chỉ, yêu thích môn học.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

70% trắc nghiệm; 30% tự luận

III. KHUNG MA TRẬN

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
Phân môn Lịch sử							
1	THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945	1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945	2 TN				5 % 0,5 đ
		2. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945	1 TN	2 TN			7,5 % 0,75 đ
		3. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945					
		4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)	3 TN	4 TN	1 TL	1 TL	32,5 % 3,25 đ
2	VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945	1. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930	2 TN				5 % 0,5 đ
		2. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam					
Tỉ lệ (%) Điểm			20% 2 đ	15% 2 đ	10% 1 đ	5 % 0,5 đ	50% 5 đ
Phân môn Địa lí							
1	ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM	Dân tộc và dân số	4 TN	2 TN			15% 1,5 đ
		Phân bố dân cư và các loại hình quần cư	1 TN	2 TN		1 TL	12,5% 1,25 đ
2	ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ	Nông nghiệp	2 TN	1 TN			7,5% 0,75 đ
		Lâm nghiệp và thủy sản	1 TN	1 TN	1 TL		15% 1,5 đ
Tỉ lệ (%) Điểm			20% 2 đ	15% 1,5 đ	10% 1 đ	5 % 0,5 đ	50% 5 đ
Tổng hợp chung Tỉ lệ (%) Điểm			40% 4 đ	30% 3 đ	20% 2 đ	10 % 1 đ	100% 10 đ

IV. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Lịch sử							
1	THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945	1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945	Nhận biết - Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập. - Trình bày được những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921-1941). Vận dụng - Chỉ ra được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921-1941).	1 TN 1 TN			
		2. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945	Nhận biết - Trình bày được những nét chính về phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933; sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu. Thông hiểu - Mô tả được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.	1 TN	2 TN		
		3. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945	Nhận biết - Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.				
		4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)	Nhận biết - Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai. Thông hiểu - Hiểu được bản chất của chiến tranh thế giới thứ hai. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Chiến tranh thế giới thứ hai. Vận dụng - Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại. - Nhận xét được vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít.	3 TN 2 TN 2 TN		1 TL	

			Vận dụng cao - Phân tích, đánh giá được hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) đối với lịch sử nhân loại. - Rút ra được bài học cho việc bảo vệ hòa bình trên thế giới hiện nay.				1 TL*
							1 TL*
2	VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945	1. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930	Nhận biết - Trình bày được hoàn cảnh, diễn biến chính của phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918 - 1930.	2 TN			
		2. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	Nhận biết - Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 - 1930. Thông hiểu - Trình bày được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Vận dụng - Đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.				
Số câu/ loại câu				8 câu TN	6 câu TN	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ %				20%	15%	10%	5 %

Phân môn Địa lí

1	ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM	Dân tộc và dân số	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam. - Trình bày được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư. Thông hiểu: - Hiểu được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.	1 TN 3 TN	2 TN		
		Phân bố dân cư và các loại hình quần cư	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư Việt Nam. Thông hiểu - Phân tích được đặc điểm phân bố dân cư của Việt Nam. - Tìm ra được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn. Vận dụng cao - Chứng minh được phân bố dân của Việt Nam.	1 TN	2 TN		1 TL
2	ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ	Nông nghiệp	Nhận biết -Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp.	2 TN			

			Thông hiểu - Phân tích được sự phát triển của ngành chăn nuôi.		1 TN		
		Lâm nghiệp và thủy sản	Nhận biết - Trình bày các nguồn thủy sản của Việt Nam. Thông hiểu - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng quan trọng nhất đến hoạt động khai thác thủy sản Việt Nam. Vận dụng - Giải thích được tài nguyên rừng được coi là quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường ở Việt Nam	1 TN	1 TN	1 TL	
Số câu/ loại câu				8 câu TN	6 câu TN	1 câu TL	1 câu TL
Tổng số câu/ loại câu				16 câu TN	12 câu TN	2 câu TL	2 câu TL
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Sự kiện nào đánh dấu phong trào công nhân Việt Nam bắt đầu chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác?

- A. Tháng 8-1925, công nhân xưởng Ba Son tiến hành bãi công.
- B. Tháng 6-1925, Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên được thành lập.
- C. Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.
- D. Năm 1929, ở nước ta liên tiếp xuất hiện ba tổ chức cộng sản.

Câu 2. Trong giai đoạn cuối của chiến tranh thế giới thứ hai (1944-1945), Liên Xô, Mỹ, Anh có vai trò gì?

- A. Lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định tiêu diệt Nhật Bản.
- B. Giữ vai trò quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức.
- C. Lực lượng nòng cốt và quan trọng nhất trong việc đánh bại Nhật Bản.
- D. Hậu phương vững chắc đánh bại chủ nghĩa phát xít Nhật Bản.

Câu 3. Sự kiện nào dưới đây **không** tác động đến phong trào đấu tranh ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Sự ra đời của trật tự Véc xai- Oasinhton.
- B. Sự ra đời của các Đảng Cộng sản trên thế giới.
- C. Sự thành lập Quốc tế Cộng sản (1919).
- D. Cách mạng tháng Mười Nga (1917) thành công.

Câu 4. Nội dung nào **không** phản ánh tình hình nước Nga khi bắt tay vào công cuộc khôi phục đất nước năm 1921?

- A. Kinh tế suy giảm trầm trọng.
- B. Lực lượng phản cách mạng chống phá, gây bạo loạn.
- C. Các nước đế quốc công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Nga.
- D. Đất nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

Câu 5. Thành tựu quan trọng trên lĩnh vực kinh tế của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là

- A. trở thành cường quốc nông nghiệp đứng đầu châu Âu.
- B. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai châu Âu.
- C. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới.
- D. tỉ trọng nông nghiệp chiếm đa số trong cơ cấu kinh tế.

Câu 6. Tác động của Chính sách mới đối với chế độ chính trị nước Mỹ là gì?

- A. Xóa dịu mâu thuẫn xã hội.
- B. Duy trì chế độ dân chủ tư sản.
- C. Giải quyết nạn thất nghiệp.
- D. Tạo thêm nhiều việc làm.

Câu 7. Hoàn cảnh cơ bản nào sau đây dẫn đến sự ra đời của Quốc tế cộng sản?

A. Cao trào cách mạng dâng cao ở các nước thuộc châu Âu dẫn đến sự thành lập các Đảng cộng sản ở nhiều nước.

- B. Quốc tế thứ hai giải tán.
- C. Những hoạt động tích cực của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích Nga.
- D. Chính quyền tư sản đàn áp khủng bố phong trào của quần chúng.

Câu 8. Tháng 1/1942, mặt trận Đồng minh thành lập nhằm mục đích gì?

- A. Liên kết giữa khối phát xít và khối các nước đế quốc để chống Liên Xô.
- B. Chống lại sự tấn công của phát xít Đức ở châu Âu.
- C. Đoàn kết và tập hợp các lực lượng trên thế giới để tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- D. Trả thù sự tấn công của Nhật vào hạm đội Mỹ.

Câu 9. Trong thập niên 20 của thế kỉ XX, nước nào là trung tâm công nghiệp thương mại, tài chính quốc tế?

- A. Nước Anh.
- B. Nước Mĩ.
- C. Nước Nhật
- D. Nước Đức.

Câu 10. Liên Xô đã có thái độ như thế nào với các nước phát xít?

- A. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm và ngay lập tức tuyên chiến với phát xít Đức.
- B. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên chủ trương liên kết với các nước Anh, Pháp để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.
- C. Coi chủ nghĩa phát xít là đối tác trong cuộc chiến chống các nước đế quốc Anh, Pháp, Mĩ.
- D. Lo sợ chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên nhân nhượng với các nước phát xít.

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S) bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho đoạn tư liệu sau:

“Tội phạm gây nên cuộc chiến tranh đẫm máu và đau thương này là bọn phát xít Đức, Italia, Nhật Bản, nhưng chúng có thể gây ra chiến tranh được là vì có những thế lực “dung dưỡng”, “thỏa hiệp” với chúng.”

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.216)

- a. Đoạn tư liệu chỉ rõ tội phạm gây ra Chiến tranh thế giới thứ hai.
- b. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ do chính sách thỏa hiệp, dung dưỡng của Anh, Pháp, Mỹ với Đức
- c. Tội phạm gây ra Chiến tranh thế giới thứ hai là các nước đế quốc và Liên Xô
- d. Thái độ chần chừ, thỏa hiệp của Liên Xô là một trong những nguyên nhân dẫn đến bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Phân tích hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.

Câu 2 (0,5 điểm): Từ cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, em hãy đưa ra những bài học cho việc bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Nhận định nào sau đây **không** đúng về đặc điểm phân bố dân cư nước ta?

- A. Phân bố khác nhau giữa các khu vực.
- B. Mật độ dân số tại các khu vực là như nhau.
- C. Mật độ dân số nước ta cao.
- D. Phân bố thay đổi theo thời gian.

Câu 2. Dân số phân theo nhóm tuổi của nước ta đang ở giai đoạn

- A. cơ cấu dân số vàng.
- B. cơ cấu dân số trẻ.
- C. ổn định.
- D. cơ cấu dân số già.

Câu 3. Điều **không** phải là đặc điểm về quần cư thành thị?

- A. Công nghiệp, dịch vụ là hoạt động kinh tế chủ yếu.
- B. Đa chức năng như trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị, đổi mới sáng tạo.
- C. Mật độ dân số thấp.
- D. Nơi cư trú được cấu trúc thành phường, thị trấn, tổ dân số,...

- Câu 4.** Dân tộc nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất trong dân số nước ta?
A. Tày. **B.** Mường. **C.** E – đê. **D.** Kinh.
- Câu 5.** Nhân tố ảnh hưởng quan trọng nhất đến hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta là
A. cơ sở vật chất kĩ thuật. **B.** hệ thống các cảng cá.
C. điều kiện đánh bắt. **D.** thị trường tiêu thụ.
- Câu 6.** Hai nguồn thủy sản nước ta là
A. thủy sản nước ngọt và nước mặn. **B.** thủy sản nước lợ và nước sạch.
C. thủy sản đánh bắt và chế biến. **D.** thủy sản tự nhiên và nuôi trồng.
- Câu 7.** Ý kiến nào sau đây **không** đúng với xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay?
A. Chăn nuôi theo hình thức công nghiệp.
B. Tăng tỉ trọng chăn nuôi lấy thịt và sữa.
C. Giảm tỉ trọng trong sản xuất nông nghiệp.
D. Tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.
- Câu 8.** Vùng nào có số lượng đàn trâu lớn nhất nước ta?
A. Đồng bằng sông Hồng. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Câu 9.** Vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta hiện nay là
A. Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đông Nam Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.
- Câu 10.** Tính đến năm 2021, Tây Nguyên có mật độ dân số là
A. 1 091 người/km². **B.** 200 người/km². **C.** 50,9 người/km². **D.** 111 người/km².

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d), học sinh chọn đúng hoặc sai bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2009 - 2021

Năm	Tuổi thọ trung bình (tuổi)	Cơ cấu dân số theo tuổi (%)		
		Từ 0 – 14 tuổi	Từ 15 – 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2009	72,8	24,5	69,1	6,4
2019	73,6	24,3	68,0	7,7
2021	73,6	24,1	67,6	8,3

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022)

- a) Tỉ trọng dân số nhóm từ 0 – 14 tuổi ngày càng tăng.
b) Nước ta có nguồn lao động dồi dào và ngày càng tăng nhanh.
c) Tỉ trọng nhóm từ 65 tuổi trở lên ngày càng tăng do kinh tế ngày càng phát triển, điều kiện sống và các dịch vụ y tế ngày càng được cải thiện.
d) Dân số nước ta ngày càng già hóa do tỉ suất sinh và tỉ suất tử ngày càng giảm, tuổi thọ trung bình ngày càng tăng.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Tại sao tài nguyên rừng được coi là quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường ở Việt Nam?

Câu 2 (0,5 điểm): Chứng minh rằng: Dân cư nước ta phân bố không đồng đều.

----- **HẾT** -----

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Trong giai đoạn cuối của chiến tranh thế giới thứ hai (1944-1945), Liên Xô, Mỹ, Anh có vai trò gì?

- A. Lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định tiêu diệt Nhật Bản.
- B. Hậu phương vững chắc đánh bại chủ nghĩa phát xít Nhật Bản.
- C. Giữ vai trò quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức.
- D. Lực lượng nòng cốt và quan trọng nhất trong việc đánh bại Nhật Bản.

Câu 2. Liên Xô đã có thái độ như thế nào với các nước phát xít?

A. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên chủ trương liên kết với các nước Anh, Pháp để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.

- B. Coi chủ nghĩa phát xít là đối tác trong cuộc chiến chống các nước đế quốc Anh, Pháp, Mĩ.
- C. Lo sợ chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên nhân nhượng với các nước phát xít.
- D. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm và ngay lập tức tuyên chiến với phát xít Đức.

Câu 3. Tháng 1/1942, mặt trận Đồng minh thành lập nhằm mục đích gì?

- A. Trả thù sự tấn công của Nhật vào hạm đội Mỹ.
- B. Đoàn kết và tập hợp các lực lượng trên thế giới để tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- C. Chống lại sự tấn công của phát xít Đức ở châu Âu.
- D. Liên kết giữa khối phát xít và khối các nước đế quốc để chống Liên Xô.

Câu 4. Tác động của Chính sách mới đối với chế độ chính trị nước Mỹ là gì?

- A. Tạo thêm nhiều việc làm.
- B. Duy trì chế độ dân chủ tư sản.
- C. Xoa dịu mâu thuẫn xã hội.
- D. Giải quyết nạn thất nghiệp.

Câu 5. Nội dung nào **không** phản ánh tình hình nước Nga khi bắt tay vào công cuộc khôi phục đất nước năm 1921?

- A. Các nước đế quốc công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Nga.
- B. Đất nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề.
- C. Lực lượng phản cách mạng chống phá, gây bạo loạn.
- D. Kinh tế suy giảm trầm trọng.

Câu 6. Hoàn cảnh cơ bản nào sau đây dẫn đến sự ra đời của Quốc tế cộng sản?

A. Chính quyền tư sản đàn áp khủng bố phong trào của quần chúng.

B. Cao trào cách mạng dâng cao ở các nước thuộc châu Âu dẫn đến sự thành lập các Đảng cộng sản ở nhiều nước.

- C. Quốc tế thứ hai giải tán.
- D. Những hoạt động tích cực của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích Nga.

Câu 7. Thành tựu quan trọng trên lĩnh vực kinh tế của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là

- A. trở thành cường quốc nông nghiệp đứng đầu châu Âu.
- B. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai châu Âu.
- C. tỉ trọng nông nghiệp chiếm đa số trong cơ cấu kinh tế.

D. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới.

Câu 8. Sự kiện nào đánh dấu phong trào công nhân Việt Nam bắt đầu chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác?

A. Tháng 8-1925, công nhân xưởng Ba Son tiến hành bãi công.

B. Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

C. Tháng 6-1925, Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên được thành lập.

D. Năm 1929, ở nước ta liên tiếp xuất hiện ba tổ chức cộng sản.

Câu 9. Sự kiện nào dưới đây **không** tác động đến phong trào đấu tranh ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Sự ra đời của các Đảng Cộng sản trên thế giới.

B. Sự thành lập Quốc tế Cộng sản (1919).

C. Cách mạng tháng Mười Nga (1917) thành công.

D. Sự ra đời của trật tự Véc xai- Oasinhton.

Câu 10. Trong thập niên 20 của thế kỉ XX, nước nào là trung tâm công nghiệp thương mại, tài chính quốc tế?

A. Nước Đức.

B. Nước Anh.

C. Nước Nhật

D. Nước Mỹ.

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S) bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho đoạn tư liệu sau:

“Tội phạm gây nên cuộc chiến tranh đẫm máu và đau thương này là bọn phát xít Đức, Italia, Nhật Bản, nhưng chúng có thể gây ra chiến tranh được là vì có những thế lực “dung dưỡng”, “thỏa hiệp” với chúng.”

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.216)

a. Đoạn tư liệu chỉ rõ tội phạm gây ra Chiến tranh thế giới thứ hai.

b. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ do chính sách thỏa hiệp, dung dưỡng của Anh, Pháp, Mỹ với Đức

c. Tội phạm gây ra Chiến tranh thế giới thứ hai là các nước đế quốc và Liên Xô

d. Thái độ chần chừ, thỏa hiệp của Liên Xô là một trong những nguyên nhân dẫn đến bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Phân tích hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.

Câu 2 (0,5 điểm): Từ cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, em hãy đưa ra những bài học cho việc bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Dân tộc nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất trong dân số nước ta?

A. Mường.

B. Tày.

C. E – đê.

D. Kinh.

Câu 2. Vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta hiện nay là

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đông Nam Bộ.

D. Bắc Trung Bộ.

Câu 3. Ý kiến nào sau đây **không** đúng với xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

A. Tăng tỉ trọng chăn nuôi lấy thịt và sữa.

B. Giảm tỉ trọng trong sản xuất nông nghiệp.

C. Chăn nuôi theo hình thức công nghiệp.

D. Tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.

Câu 4. Hai nguồn thủy sản nước ta là

A. thủy sản đánh bắt và chế biến.

B. thủy sản nước lợ và nước sạch.

C. thủy sản nước ngọt và nước mặn.

D. thủy sản tự nhiên và nuôi trồng.

Câu 5. Điều **không** phải là đặc điểm về quần cư thành thị?

A. Đa chức năng như trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị, đổi mới sáng tạo.

B. Mật độ dân số thấp.

C. Nơi cư trú được cấu trúc thành phường, thị trấn, tổ dân số,...

D. Công nghiệp, dịch vụ là hoạt động kinh tế chủ yếu.

Câu 6. Nhân tố ảnh hưởng quan trọng nhất đến hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta là

A. hệ thống các cảng cá.

B. điều kiện đánh bắt.

C. cơ sở vật chất kỹ thuật.

D. thị trường tiêu thụ.

Câu 7. Tính đến năm 2021, Tây Nguyên có mật độ dân số là

A. 111 người/km².

B. 200 người/km².

C. 50,9 người/km².

D. 1 091

người/km².

Câu 8. Dân số phân theo nhóm tuổi của nước ta đang ở giai đoạn

A. cơ cấu dân số vàng.

B. cơ cấu dân số già.

C. ổn định.

D. cơ cấu dân số trẻ.

Câu 9. Vùng nào có số lượng đàn trâu lớn nhất nước ta?

A. Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

D. Bắc Trung Bộ.

Câu 10. Nhận định nào sau đây **không** đúng về đặc điểm phân bố dân cư nước ta?

A. Phân bố thay đổi theo thời gian.

B. Mật độ dân số tại các khu vực là như nhau.

C. Mật độ dân số nước ta cao.

D. Phân bố khác nhau giữa các khu vực.

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S) bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2009 - 2021

Năm	Tuổi thọ trung bình (tuổi)	Cơ cấu dân số theo tuổi (%)		
		Từ 0 – 14 tuổi	Từ 15 – 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2009	72,8	24,5	69,1	6,4
2019	73,6	24,3	68,0	7,7
2021	73,6	24,1	67,6	8,3

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022)

a) Tỉ trọng dân số nhóm từ 0 – 14 tuổi ngày càng tăng.

b) Nước ta có nguồn lao động dồi dào và ngày càng tăng nhanh.

c) Tỉ trọng nhóm từ 65 tuổi trở lên ngày càng tăng do kinh tế ngày càng phát triển, điều kiện sống và các dịch vụ y tế ngày càng được cải thiện.

d) Dân số nước ta ngày càng già hóa do tỉ suất sinh và tỉ suất tử ngày càng giảm, tuổi thọ trung bình ngày càng tăng.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Tại sao tài nguyên rừng được coi là quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường ở Việt Nam?

Câu 2 (0,5 điểm): Chứng minh rằng: Dân cư nước ta phân bố không đồng đều.

----- HẾT -----

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Sự kiện nào đánh dấu phong trào công nhân Việt Nam bắt đầu chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác?

- A. Năm 1929, ở nước ta liên tiếp xuất hiện ba tổ chức cộng sản.
- B. Tháng 8-1925, công nhân xưởng Ba Son tiến hành bãi công.
- C. Tháng 6-1925, Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên được thành lập.
- D. Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

Câu 2. Nội dung nào **không** phản ánh tình hình nước Nga khi bắt tay vào công cuộc khôi phục đất nước năm 1921?

- A. Kinh tế suy giảm trầm trọng.
- B. Các nước đế quốc công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Nga.
- C. Lực lượng phản cách mạng chống phá, gây bạo loạn.
- D. Đất nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

Câu 3. Trong giai đoạn cuối của chiến tranh thế giới thứ hai (1944-1945), Liên Xô, Mỹ, Anh có vai trò gì?

- A. Hậu phương vững chắc đánh bại chủ nghĩa phát xít Nhật Bản.
- B. Giữ vai trò quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức.
- C. Lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định tiêu diệt Nhật Bản.
- D. Lực lượng nòng cốt và quan trọng nhất trong việc đánh bại Nhật Bản.

Câu 4. Trong thập niên 20 của thế kỉ XX, nước nào là trung tâm công nghiệp thương mại, tài chính quốc tế?

- A. Nước Đức.
- B. Nước Anh.
- C. Nước Nhật
- D. Nước Mĩ.

Câu 5. Tác động của Chính sách mới đối với chế độ chính trị nước Mỹ là gì?

- A. Duy trì chế độ dân chủ tư sản.
- B. Xoa dịu mâu thuẫn xã hội.
- C. Tạo thêm nhiều việc làm.
- D. Giải quyết nạn thất nghiệp.

Câu 6. Tháng 1/1942, mặt trận Đồng minh thành lập nhằm mục đích gì?

- A. Đoàn kết và tập hợp các lực lượng trên thế giới để tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- B. Trả thù sự tấn công của Nhật vào hạm đội Mỹ.
- C. Chống lại sự tấn công của phát xít Đức ở châu Âu.
- D. Liên kết giữa khối phát xít và khối các nước đế quốc để chống Liên Xô.

Câu 7. Liên Xô đã có thái độ như thế nào với các nước phát xít?

- A. Coi chủ nghĩa phát xít là đối tác trong cuộc chiến chống các nước đế quốc Anh, Pháp, Mĩ.
- B. Lo sợ chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên nhân nhượng với các nước phát xít.
- C. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên chủ trương liên kết với các nước Anh, Pháp để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.
- D. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm và ngay lập tức tuyên chiến với phát xít Đức.

Câu 8. Thành tựu quan trọng trên lĩnh vực kinh tế của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là

- A. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới.
- B. trở thành cường quốc nông nghiệp đứng đầu châu Âu.
- C. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai châu Âu.
- D. tỉ trọng nông nghiệp chiếm đa số trong cơ cấu kinh tế.

Câu 9. Sự kiện nào dưới đây **không** tác động đến phong trào đấu tranh ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Sự ra đời của các Đảng Cộng sản trên thế giới.
- B. Sự ra đời của trật tự Véc xai- Oasinhton.
- C. Cách mạng tháng Mười Nga (1917) thành công.
- D. Sự thành lập Quốc tế Cộng sản (1919).

Câu 10. Hoàn cảnh cơ bản nào sau đây dẫn đến sự ra đời của Quốc tế cộng sản?

- A. Cao trào cách mạng dâng cao ở các nước thuộc châu Âu dẫn đến sự thành lập các Đảng cộng sản ở nhiều nước.
- B. Quốc tế thứ hai giải tán.
- C. Chính quyền tư sản đàn áp khủng bố phong trào của quần chúng.
- D. Những hoạt động tích cực của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích Nga.

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S) bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho đoạn tư liệu sau:

“Tội phạm gây nên cuộc chiến tranh đẫm máu và đau thương này là bọn phát xít Đức, Italia, Nhật Bản, nhưng chúng có thể gây ra chiến tranh được là vì có những thế lực “dung dưỡng”, “thỏa hiệp” với chúng.”

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.216)

- a. Đoạn tư liệu chỉ rõ tội phạm gây ra Chiến tranh thế giới thứ hai.
- b. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ do chính sách thỏa hiệp, dung dưỡng của Anh, Pháp, Mỹ với Đức
- c. Tội phạm gây ra Chiến tranh thế giới thứ hai là các nước đế quốc và Liên Xô
- d. Thái độ chân chừ, thỏa hiệp của Liên Xô là một trong những nguyên nhân dẫn đến bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Phân tích hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.

Câu 2 (0,5 điểm): Từ cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, em hãy đưa ra những bài học cho việc bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Dân tộc nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất trong dân số nước ta?

- A. Mường.
- B. E – đê.
- C. Kinh.
- D. Tày.

Câu 2. Vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta hiện nay là

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 3. Dân số phân theo nhóm tuổi của nước ta đang ở giai đoạn

- A. cơ cấu dân số trẻ.
- B. ổn định.
- C. cơ cấu dân số vàng.
- D. cơ cấu dân số già.

- Câu 4.** Nhân tố ảnh hưởng quan trọng nhất đến hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta là
 A. điều kiện đánh bắt. B. cơ sở vật chất kỹ thuật.
 C. hệ thống các cảng cá. D. thị trường tiêu thụ.
- Câu 5.** Vùng nào có số lượng đàn trâu lớn nhất nước ta?
 A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
 C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.
- Câu 6.** Hai nguồn thủy sản nước ta là
 A. thủy sản nước ngọt và nước mặn. B. thủy sản nước lợ và nước sạch.
 C. thủy sản tự nhiên và nuôi trồng. D. thủy sản đánh bắt và chế biến.
- Câu 7.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về đặc điểm phân bố dân cư nước ta?
 A. Mật độ dân số nước ta cao.
 B. Phân bố thay đổi theo thời gian.
 C. Phân bố khác nhau giữa các khu vực.
 D. Mật độ dân số tại các khu vực là như nhau.
- Câu 8.** Ý kiến nào sau đây **không** đúng với xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay?
 A. Giảm tỉ trọng trong sản xuất nông nghiệp.
 B. Tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.
 C. Tăng tỉ trọng chăn nuôi lấy thịt và sữa.
 D. Chăn nuôi theo hình thức công nghiệp.
- Câu 9.** Điều **không** phải là đặc điểm về quần cư thành thị?
 A. Công nghiệp, dịch vụ là hoạt động kinh tế chủ yếu.
 B. Đa chức năng như trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị, đổi mới sáng tạo.
 C. Nơi cư trú được cấu trúc thành phường, thị trấn, tổ dân số,...
 D. Mật độ dân số thấp.
- Câu 10.** Tính đến năm 2021, Tây Nguyên có mật độ dân số là
 A. 111 người/km². B. 50,9 người/km². C. 200 người/km². D. 1 091 người/km².

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S) bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2009 - 2021

Năm	Tuổi thọ trung bình (tuổi)	Cơ cấu dân số theo tuổi (%)		
		Từ 0 – 14 tuổi	Từ 15 – 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2009	72,8	24,5	69,1	6,4
2019	73,6	24,3	68,0	7,7
2021	73,6	24,1	67,6	8,3

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022)

- a) Tỉ trọng dân số nhóm từ 0 – 14 tuổi ngày càng tăng.
 b) Nước ta có nguồn lao động dồi dào và ngày càng tăng nhanh.
 c) Tỉ trọng nhóm từ 65 tuổi trở lên ngày càng tăng do kinh tế ngày càng phát triển, điều kiện sống và các dịch vụ y tế ngày càng được cải thiện.
 d) Dân số nước ta ngày càng già hóa do tỉ suất sinh và tỉ suất tử ngày càng giảm, tuổi thọ trung bình ngày càng tăng.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Tại sao tài nguyên rừng được coi là quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường ở Việt Nam?

Câu 2 (0,5 điểm): Chứng minh rằng: Dân cư nước ta phân bố không đồng đều.

----- **HẾT** -----

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Hoàn cảnh cơ bản nào sau đây dẫn đến sự ra đời của Quốc tế cộng sản?

- A. Chính quyền tư sản đàn áp khủng bố phong trào của quần chúng.
- B. Cao trào cách mạng dâng cao ở các nước thuộc châu Âu dẫn đến sự thành lập các Đảng cộng sản ở nhiều nước.
- C. Những hoạt động tích cực của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích Nga.
- D. Quốc tế thứ hai giải tán.

Câu 2. Sự kiện nào dưới đây **không** tác động đến phong trào đấu tranh ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Sự thành lập Quốc tế Cộng sản (1919).
- B. Sự ra đời của trật tự Véc xai- Oasinhton.
- C. Sự ra đời của các Đảng Cộng sản trên thế giới.
- D. Cách mạng tháng Mười Nga (1917) thành công.

Câu 3. Trong giai đoạn cuối của chiến tranh thế giới thứ hai (1944-1945), Liên Xô, Mỹ, Anh có vai trò gì?

- A. Hậu phương vững chắc đánh bại chủ nghĩa phát xít Nhật Bản.
- B. Lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định tiêu diệt Nhật Bản.
- C. Giữ vai trò quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức.
- D. Lực lượng nòng cốt và quan trọng nhất trong việc đánh bại Nhật Bản.

Câu 4. Nội dung nào **không** phản ánh tình hình nước Nga khi bắt tay vào công cuộc khôi phục đất nước năm 1921?

- A. Các nước đế quốc công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Nga.
- B. Đất nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề.
- C. Lực lượng phản cách mạng chống phá, gây bạo loạn.
- D. Kinh tế suy giảm trầm trọng.

Câu 5. Tháng 1/1942, mặt trận Đồng minh thành lập nhằm mục đích gì?

- A. Trả thù sự tấn công của Nhật vào hạm đội Mỹ.
- B. Liên kết giữa khối phát xít và khối các nước đế quốc để chống Liên Xô.
- C. Đoàn kết và tập hợp các lực lượng trên thế giới để tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- D. Chống lại sự tấn công của phát xít Đức ở châu Âu.

Câu 6. Thành tựu quan trọng trên lĩnh vực kinh tế của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là

- A. tỉ trọng nông nghiệp chiếm đa số trong cơ cấu kinh tế.
- B. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai châu Âu.
- C. trở thành cường quốc nông nghiệp đứng đầu châu Âu.
- D. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới.

Câu 7. Sự kiện nào đánh dấu phong trào công nhân Việt Nam bắt đầu chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác?

- A. Tháng 8-1925, công nhân xưởng Ba Son tiến hành bãi công.
- B. Tháng 6-1925, Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên được thành lập.
- C. Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.
- D. Năm 1929, ở nước ta liên tiếp xuất hiện ba tổ chức cộng sản.

Câu 8. Tác động của Chính sách mới đối với chế độ chính trị nước Mỹ là gì?

- A. Duy trì chế độ dân chủ tư sản.
- B. Tạo thêm nhiều việc làm.
- C. Giải quyết nạn thất nghiệp.
- D. Xoa dịu mâu thuẫn xã hội.

Câu 9. Liên Xô đã có thái độ như thế nào với các nước phát xít?

- A. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm và ngay lập tức tuyên chiến với phát xít Đức.
- B. Lo sợ chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên nhân nhượng với các nước phát xít.
- C. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên chủ trương liên kết với các nước Anh, Pháp để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.
- D. Coi chủ nghĩa phát xít là đối tác trong cuộc chiến chống các nước đế quốc Anh, Pháp, Mĩ.

Câu 10. Trong thập niên 20 của thế kỉ XX, nước nào là trung tâm công nghiệp thương mại, tài chính quốc tế?

- A. Nước Đức.
- B. Nước Mĩ.
- C. Nước Nhật
- D. Nước Anh.

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S) bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho đoạn tư liệu sau:

“Tội phạm gây nên cuộc chiến tranh đẫm máu và đau thương này là bọn phát xít Đức, Italia, Nhật Bản, nhưng chúng có thể gây ra chiến tranh được là vì có những thế lực “dung dưỡng”, “thỏa hiệp” với chúng.”

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.216)

- a. Đoạn tư liệu chỉ rõ tội phạm gây ra Chiến tranh thế giới thứ hai.
- b. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ do chính sách thỏa hiệp, dung dưỡng của Anh, Pháp, Mỹ với Đức
- c. Tội phạm gây ra Chiến tranh thế giới thứ hai là các nước đế quốc và Liên Xô
- d. Thái độ chần chừ, thỏa hiệp của Liên Xô là một trong những nguyên nhân dẫn đến bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Phân tích hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.

Câu 2 (0,5 điểm): Từ cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, em hãy đưa ra những bài học cho việc bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Nhận định nào sau đây **không** đúng về đặc điểm phân bố dân cư nước ta?

- A. Phân bố khác nhau giữa các khu vực.
- B. Mật độ dân số nước ta cao.
- C. Phân bố thay đổi theo thời gian.
- D. Mật độ dân số tại các khu vực là như nhau.

Câu 2. Vùng nào có số lượng đàn trâu lớn nhất nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

- Câu 3.** Tính đến năm 2021, Tây Nguyên có mật độ dân số là
 A. 50,9 người/km². B. 1 091 người/km². C. 200 người/km². D. 111 người/km².
- Câu 4.** Vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta hiện nay là
 A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
 C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đông Nam Bộ.
- Câu 5.** Hai nguồn thủy sản nước ta là
 A. thủy sản tự nhiên và nuôi trồng. B. thủy sản đánh bắt và chế biến.
 C. thủy sản nước lợ và nước sạch. D. thủy sản nước ngọt và nước mặn.
- Câu 6.** Ý kiến nào sau đây **không** đúng với xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay?
 A. Chăn nuôi theo hình thức công nghiệp.
 B. Giảm tỉ trọng trong sản xuất nông nghiệp.
 C. Tăng tỉ trọng chăn nuôi lấy thịt và sữa.
 D. Tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.
- Câu 7.** Dân tộc nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất trong dân số nước ta?
 A. Tày. B. Kinh. C. Mường. D. E – đê.
- Câu 8.** Đâu **không** phải là đặc điểm về quần cư thành thị?
 A. Nơi cư trú được cấu trúc thành phường, thị trấn, tổ dân số,...
 B. Mật độ dân số thấp.
 C. Công nghiệp, dịch vụ là hoạt động kinh tế chủ yếu.
 D. Đa chức năng như trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị, đổi mới sáng tạo.
- Câu 9.** Dân số phân theo nhóm tuổi của nước ta đang ở giai đoạn
 A. ổn định. B. cơ cấu dân số trẻ.
 C. cơ cấu dân số già. D. cơ cấu dân số vàng.
- Câu 10.** Nhân tố ảnh hưởng quan trọng nhất đến hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta là
 A. điều kiện đánh bắt. B. cơ sở vật chất kĩ thuật.
 C. hệ thống các cảng cá. D. thị trường tiêu thụ.

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S) bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2009 - 2021

Năm	Tuổi thọ trung bình (tuổi)	Cơ cấu dân số theo tuổi (%)		
		Từ 0 – 14 tuổi	Từ 15 – 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2009	72,8	24,5	69,1	6,4
2019	73,6	24,3	68,0	7,7
2021	73,6	24,1	67,6	8,3

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022)

- Tỉ trọng dân số nhóm từ 0 – 14 tuổi ngày càng tăng.
- Nước ta có nguồn lao động dồi dào và ngày càng tăng nhanh.
- Tỉ trọng nhóm từ 65 tuổi trở lên ngày càng tăng do kinh tế ngày càng phát triển, điều kiện sống và các dịch vụ y tế ngày càng được cải thiện.
- Dân số nước ta ngày càng già hóa do tỉ suất sinh và tỉ suất tử ngày càng giảm, tuổi thọ trung bình ngày càng tăng.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Tại sao tài nguyên rừng được coi là quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường ở Việt Nam?

Câu 2 (0,5 điểm): Chứng minh rằng: Dân cư nước ta phân bố không đồng đều.

----- HẾT -----

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,25 đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Mã đề 101	A	A	A	C	C	B	A	C	B	B
Mã đề 102	A	A	B	B	A	B	D	A	D	D
Mã đề 103	B	B	C	D	A	A	C	A	B	A
Mã đề 104	B	B	B	A	C	D	A	A	C	B

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,25 đ

a. Đ

b. Đ

c. S

d. S

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai với lịch sử nhân loại:	1
	- Chiến tranh thế giới thứ hai đã gây ra hậu quả nặng nề về sinh mạng và vật chất đối với toàn nhân loại.	0,25
	+ Lôi cuốn 76 quốc gia vào vòng khói lửa.	0,25
	+ Khiến hơn 60 triệu người chết, 90 triệu người bị thương.	0,25
	+ Phá hủy hàng triệu làng mạc, thành phố, nhà máy, xí nghiệp,... Thiệt hại về vật chất ước tính khoảng 4000 tỉ USD	0,25
2	Bài học cho việc bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay: Tùy thuộc vào câu trả lời của HS để cho điểm. Học sinh có thể đưa ra một số bài học: - Cần phải bảo vệ nền hòa bình, an ninh cho nhân loại bởi chiến tranh đã gây ra nhiều tổn thương và tang tóc cho nhân loại. - Hiện nay, vẫn còn một số cuộc xung đột xảy ra ở một số nước. Vì vậy, toàn thế giới cần phải chung sức đấu tranh chống tư tưởng gây chiến, chống thế lực bạo loạn ... - Cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân hủy diệt để bảo vệ sự sống của con người và nền văn minh nhân loại đang là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu của toàn thể mọi người.	0,5

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,25 đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Mã đề 101	B	A	C	D	C	A	C	D	D	D
Mã đề 102	D	B	B	C	B	B	A	A	C	B
Mã đề 103	C	A	C	A	C	A	D	A	D	A

Mã đề 104	D	C	D	C	D	B	B	B	D	A
-----------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,25 đ

a. S

b. S

c. Đ

d.Đ

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Tài nguyên rừng được coi là quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường ở Việt Nam vì:	1
	- Đóng góp vào phát triển kinh tế thông qua các hoạt động khai thác, chế biến lâm sản.	0,25
	- Tạo công ăn việc làm cho người dân, đặc biệt là ở vùng núi.	0,25
	- Bảo vệ môi trường: điều hòa khí hậu, giữ nước, chống xói mòn đất.	0,25
2	- Góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu: hấp thụ khí CO ₂ , giảm thiểu tác động của thiên tai.	0,25
	- Phân bố dân cư nước ta khác nhau giữa các khu vực đồng bằng và trung du, miền núi; giữa thành thị và nông thôn.	0,5
	+ Giữa đồng bằng và miền núi: Các khu vực đồng bằng, ven biển có dân cư đông đúc, các khu vực miền núi có dân cư thưa thớt hơn. Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước, với 1 091 người/km ² ; Tây Nguyên có mật độ dân số thấp nhất, chỉ 111 người/km ² (năm 2021).	0,25
	+ Giữa thành thị và nông thôn: Dân cư nước ta chủ yếu sinh sống ở nông thôn. Năm 2021, tỉ lệ dân nông thôn là 62,9%, tỉ lệ dân thành thị là 37,1% tổng số dân. Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội có mật độ dân số cao nhất cả nước.	0,25

GV RA ĐỀ

TT CHUYÊN MÔN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phản Lịch sử: Hoàng Thị Thắm

Phản Địa lí: Phùng Thị Huyền

Nguyễn Thu Phương

Nguyễn Thị Song Đăng